



kān wù

刊物

Noun · publication; journal; periodical

Example Sentences

zhè shì yī běn kān wù

这是一本刊物。

This is a publication.

nǐ dìng yuè de kān wù zhōng nǎ běn duì nǐ bāng zhù zuì dà
你订阅的刊物中，哪本对你有帮助最大？Among the publications you subscribe to,
which one helps you the most?wǒ jīng cháng zài tú shū guǎn yuè dú gè zhǒng kān wù
我经常在图书馆阅读各种刊物。

I often read various publications in the library.

Trace each character, then write the word on your own.

刊	刊	刊	刊	刊	刊	刊	刊				
物	物	物	物	物	物	物	物	物	物	物	物